

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

-----o0o-----

BÁO CÁO

ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA TRẠM CẤP NƯỚC ĐỒNG LÊ

THUỘC CÔNG TY CP CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa điểm: Xã Thuận Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình

Quảng Bình, năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

-----000-----

BÁO CÁO

ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA TRẠM CẤP NƯỚC ĐỒNG LÊ

THUỘC CÔNG TY CP CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa điểm: Xã Thuận Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình

CHỦ CƠ SỞ

**CÔNG CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
QUẢNG BÌNH**

Quảng Bình, năm 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
DANH MỤC BẢNG	5
DANH MỤC HÌNH ẢNH	5
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT	7
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	8
1. Tên chủ cơ sở: Công ty Cp Cấp nước Quảng Bình	8
2. Tên cơ sở: Trạm cấp nước Đồng Lê	8
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	8
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	8
3.2. Công nghệ xử lý nước của nhà máy.....	9
3.2. Sản phẩm của cơ sở.....	11
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	11
4.1. Nhu cầu và nguồn cung cấp nước.....	11
4.2. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện	12
4.3. Nhu cầu hóa chất xử lý nước	12
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có)	13
Chương 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	14
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	14
2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	14
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	15
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	15
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	15
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	16
3.1.3. Xử lý nước thải	18
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	19
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	19
3.4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại	20

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở	20
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	21
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	24
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	24
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	25
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	26
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	26
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	26
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	28
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	28
6.1.1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm	28
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	28
a). Kế hoạch quan trắc chất thải và thời gian dự kiến lấy mẫu.....	28
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	29
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	29
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	29
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của cơ sở.....	29
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	30
CHƯƠNG VII. CAM KẾT CHỦ CƠ SỞ.....	31
CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO	32

DANH MỤC BẢNG

Bảng 3. 1. Tọa độ vị trí xả thải và vị trí nguồn tiếp nhận nước thải.....	17
Bảng 3. 2. Thành phần rác thải sinh hoạt	19
Bảng 3. 3. Thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	20
Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm nước thải sinh hoạt	24
Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn của tiếng ồn.....	25
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước thải	26
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí	26
Bảng 5. 3. Thống kê điểm quan trắc chất lượng môi trường không khí...	27
Bảng 6. 1. Các công trình xử lý chất thải và thời gian vận hành thử nghiệm.....	28
Bảng 6. 2. Dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch quan trắc môi trường hằng năm	30

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. 1. Sơ đồ quy trình khai thác, sử dụng nước của cơ sở.....	11
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom, tiêu thoát nước mưa	15
Hình 3. 2. Hình ảnh mương thoát và hố ga tại cơ sở.....	15
Hình 3. 3. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của cơ sở.....	16
Hình 3. 4. Vị trí xả thải và nguồn tiếp nhận của cơ sở	17
Hình 3. 5. Mặt cắt bộ lắng.....	18

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

KKT	: Khu kinh tế
MT	: Môi trường
QT	: Quan trắc
PTMT	: Phân tích môi trường
TNMT	: Tài nguyên môi trường
HC	: Hydrocacbon
BOD ₅	: Nhu cầu oxy sinh hoá đo ở 20 ⁰ C - đo trong 5 ngày
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên.
COD	: Nhu cầu oxy hóa học.
DO	: Ôxy hòa tan
DSGDTE	: Dân số gia đình trẻ em
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường.
MPN	: Số lớn nhất có thể đếm được (phương pháp xác định vi sinh)
GHCP	: Giới hạn cho phép
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
UBND	: Ủy Ban Nhân Dân
UBMTTQ	: Ủy ban mặt trận tổ quốc
KTXH	: Kinh tế xã hội
WHO	: Tổ chức Y tế Thế giới
VOC	: Chất hữu cơ bay hơi
HC	: Hydrocacbon

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Công ty Cp Cấp nước Quảng Bình

- Địa chỉ văn phòng: Số 81 - Đường Lý Thường Kiệt - Thành phố Đồng Hới - Quảng Bình;

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Nguyễn Văn Dũng Chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: 052.3822620; Fax: 0523.823292;

- Email: capnuocqb@gmail.com.

- Giấy đăng ký kinh doanh số 3100130287 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 28/03/2006, cấp lại lần 8 vào ngày 05 tháng 08 năm 2020.

2. Tên cơ sở: Trạm cấp nước Đồng Lê

- Địa điểm cơ sở: Thôn Thuận Tiến, xã Thuận Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

- Các văn bản pháp lý liên quan đến cơ sở:

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 256/GP-STNMT ngày 16/11/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp.

+ Quyết định số 2840/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ngày 01/09/2021 phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty CP cấp nước Quảng Bình khai thác nguồn nước mặt tại thôn Thuận Tiến, xã Thuận Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

+ Quyết định số 297/QĐ/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ngày 18/04/1995 về việc giao đất xây dựng nhà máy nước tại thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

+ Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 256/GP-STNMT ngày 16/11/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Tổng mức đầu tư của dự án là 5,2 tỷ đồng thuộc dự án nhóm C.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.

Trạm cấp nước Đồng Lê thuộc Công ty Cp Cấp nước Quảng Bình cấp nước phục vụ sinh hoạt cho khối cơ quan hành chính và các hộ dân cư trên địa

bản thị trấn Đồng Lê và 03 thôn Thuận Tiến, Xuân Canh, Thượng Lào thuộc xã Thuận Hoá (khoảng 748 hộ dân). Công suất thiết kế của cơ sở là 1000m³/ngày đêm. Hiện tại sản lượng khai thác nước của trạm trung bình đạt từ 700 m³/ngày đêm.

- Nhiệm vụ xử lý nước đạt tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 01-2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống và QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- Tổng lượng nước khai thác của cơ sở cấp nước thị trấn Đồng Lê sử dụng trong từng năm ước tính khoảng:

$Q_{\text{năm}} = \text{lượng nước khai thác lớn nhất (m}^3\text{/ngày)} \times \text{số ngày lấy nước/năm} = 1.000 \text{ m}^3\text{/ngày} \times 365 \text{ ngày} = 365.000 \text{ m}^3$.

- Lượng nước lớn nhất khai thác trong 1 tháng: Hoạt động sản xuất của cơ sở tương đối ổn định nên lượng nước khai thác hàng tháng không biến động quá lớn.

Dựa trên bảng theo dõi nước khai thác, lưu lượng lớn nhất cơ sở đã khai thác trong 1 tháng là: 30.000 m³.

- Lượng nước khai thác lớn nhất trong ngày: Lượng nước khai thác lớn nhất trong ngày của cơ sở là 1000 m³/ngày.

- Nhu cầu khai thác, sử dụng nước trung bình: 27.000 m³/tháng (tương đương 900 m³/ngày).

- Nhu cầu khai thác, sử dụng nước nhỏ nhất: 24.000 m³/tháng (tương đương 800 m³/ngày).

3.2. Công nghệ xử lý nước của nhà máy

Trạm cấp nước thị trấn Đồng Lê khai thác nước mặt sông Gianh của Công ty Cổ phần cấp nước Quảng Bình có quy mô phục vụ cho việc cung cấp nước sạch cho nhân dân với lưu lượng 1000 m³/ngàyđêm.;

- Các hạng mục chủ yếu các công trình khai thác nước.

+ Bể xử lý nước (bể trộn vách ngăn, bể lắng đứng, bể lọc nhanh)

+ Hệ thống đường ống dẫn nước từ hồ về trạm bơm

+ Máy bơm

- Phương thức khai thác:

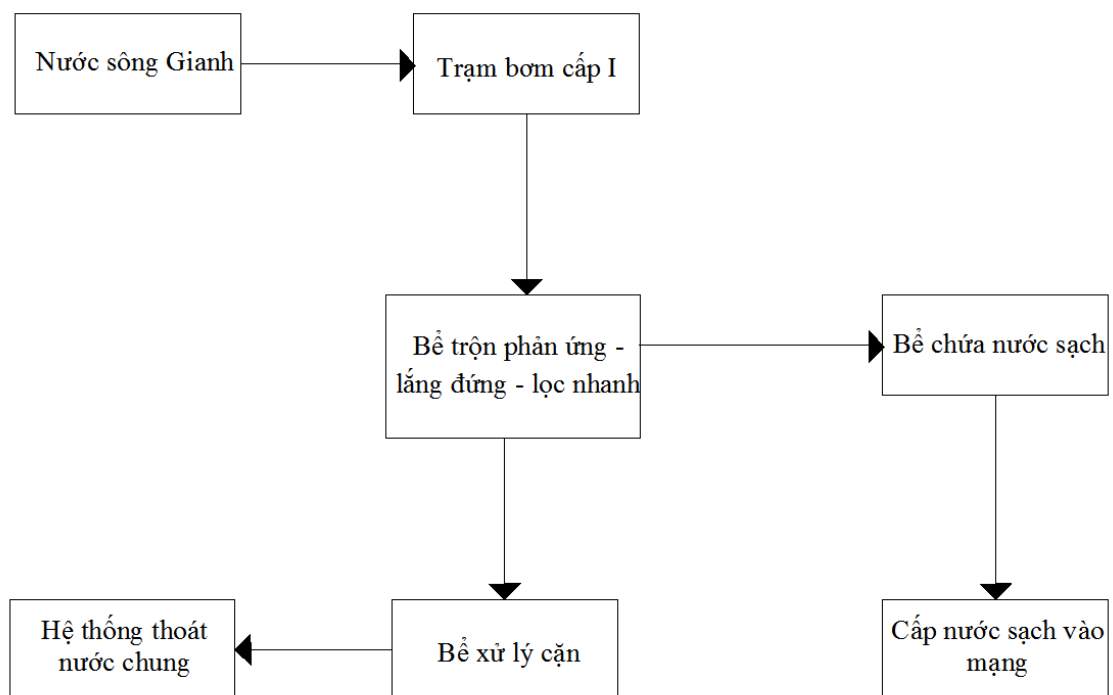
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Công ty Cp cấp nước Quảng Bình tại thôn Thuận Tiến, xã Thuận Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

+ Nguồn cấp nước đầu vào của Hệ thống được lấy trực tiếp từ Sông Gianh. Tại sông lắp đặt trạm bơm chìm cấp I công suất $Q= 90 \text{ m}^3/\text{h}$, $H= 100\text{m}$, nhưng do độ dốc lớn công suất thực chỉ còn $Q= 60 \text{ m}^3/\text{h}$ từ sông đến khu xử lý thông qua ống dẫn nước $\Phi 150\text{mm}$ dài 60m.

+ Nước thô qua bể lắng lọc hợp khối, tại đây nước được làm trong và xử lý diệt trùng. Nước sau khi xử lý được dẫn vào bể chứa 300m^3 , từ đây nước được thả tự chảy vào hệ thống mạng lưới cấp nước cho người dân sử dụng.

+ Nguồn điện sử dụng: Cấp điện đầu nguồn từ trạm biến áp hạ thế 75KVA của công ty cấp nước Quảng Bình đặt tại xã Thuận Tiến, sử dụng cáp LV/ABC -4x70; từ trạm biến áp về trạm cấp nước với chiều dài khoảng 20m, về vị trí khai thác khoảng 60m.

+ Hệ thống đường ống: Lắp đặt tuyến ống truyền dẫn nước thô $\Phi 150\text{mm}$, chiều dài 60m từ vị trí khai thác tại sông Gianh về trị trạm xử lý. Hệ thống đường ống công nghệ tại trạm xử lý nước bằng thép, đường kính $\Phi 150\text{mm}$ và đường ống dẫn nước đường kính $\Phi 100\text{mm}$, cấp vào mạng lưới cấp nước có đường kính $\Phi 63\text{mm}$ đến $\Phi 150\text{mm}$. Vào giờ cao điểm trạm có sử dụng thêm máy bơm tăng áp trực ngang với công suất 11KW, mỗi giờ hoạt động bơm từ $20\text{-}30\text{m}^3$ nước đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân trên địa bàn thị trấn Đồng Lê và 3 thôn lân cận.



Hình 1. 1. Sơ đồ quy trình khai thác, sử dụng nước của cơ sở

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý nước cấp

Thuyết minh quy trình khai thác: Nguồn nước thô được lấy trực tiếp từ sông Gianh bằng trạm bơm cấp I có công suất $Q = 90 \text{ m}^3/\text{h}$, nước được dẫn đến khu vực xử lý thông qua ống dẫn nước $\Phi 150\text{mm}$ với chiều dài đường ống 60m. Tại hệ thống xử lý nước được làm trong và diệt trùng bằng dung dịch nước Javen (NaOCl) được điện phân từ muối ăn. Nước sau khi xử lý được dẫn vào bể chứa nước sạch có tổng dung tích 300m^3 , từ đây nước được cung cấp cho các hộ dân bằng phương thức tự chảy vào ống dẫn nước sạch cấp vào mạng lưới cho người dân sử dụng. Hệ thống đường ống dẫn nước sạch bằng ống thép có đường kính là $\Phi 150\text{mm}-\Phi 100\text{mm}-\Phi 63\text{mm}$.

3.2. Sản phẩm của cơ sở

Trạm cấp nước thị trấn Đồng Lê tại thôn Thuận Tiến, xã Thuận Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình cung cấp nước sạch phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn thị trấn Đồng Lê và 03 thôn Thuận Tiến, Xuân Canh, Thượng Lào.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu và nguồn cung cấp nước

Nguồn khai thác nước mặt của Trạm cấp nước là dòng sông Gianh chảy qua thôn Thuận Tiến, xã Thuận Hoá, huyện Tuyên hoá, tỉnh Quảng Bình.

Vị trí khai thác nước trên sông có tọa độ như sau: (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3 độ, kinh tuyến trực 106 độ).

X: 1978.888 m

Y: 503.633 m

Sông Gianh bắt nguồn từ Phou-Copi có tọa độ $17^{\circ}49'20''$ vĩ độ Bắc và $105^{\circ}41'30''$ độ kinh Đông với độ cao 1.350m. Đây là hệ thống sông lớn nhất tỉnh Quảng Bình, là hợp lưu của 3 con sông vào loại trung bình của tỉnh: sông Rào Nậy, sông Rào Nan và sông Son (còn gọi là sông Troóc).

Sông có chiều dài 158km, chiều rộng bình quân lưu vực 38,8km, chiều dài lưu vực 121km, diện tích lưu vực sông rộng 4.680km^2 , bao gồm hầu hết diện tích các huyện Tuyên Hóa, Minh Hoá, Quảng Trạch, thị xã Ba Đồn và một phần của huyện Bố Trạch. Mật độ sông suối trong lưu vực là $1,04 \text{ km}/\text{km}^2$. Sông có 16 phụ lưu cấp 1, 20 phụ lưu cấp 2 và 10 phụ lưu cấp 3. Lòng sông không đồng

đều, thượng nguồn hẹp, càng về xuôi càng rộng. Phần thượng nguồn do dòng sông có nhiều đoạn uốn khúc nên có bờ lồi, bờ lở, phần hạ lưu có những cồn nổi ở giữa dòng sông (Cồn Vượn, Cồn Sẻ...). Thủy chế của dòng sông thất thường, nhất là thượng nguồn. Mùa nước cạn vào khoảng tháng XII đến tháng VIII, mùa nước lớn vào các tháng IX, X, XI, đây cũng là mùa lũ lụt.

Theo báo cáo “Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt, tỷ lệ 1:200.000 và lập danh mục nguồn nước cần lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình thì nhu cầu khai thác nước mặt khoảng 2.317.050m³/ngàyđêm, tương ứng với tổng lượng nước hơn 845,7 triệu m³/năm. Lượng khai thác này chiếm 6,78% tổng lượng nước đến của vùng. Trong đó, sông Nhật Lệ đang được khai thác nhiều nhất chiếm 45,03% tổng lượng nước khai thác toàn vùng, tiếp đến là sông Gianh chiếm khoảng 20,13%, sông Ròn chiếm 12,84%, sông Dinh chiếm 11,31%, Sông Lý Hòa chiếm 10,68%.

Nguồn nước cấp cho sông là lượng mưa rơi trên lưu vực, các khe suối nhỏ tập trung nước đổ về dòng sông Gianh nên chế độ thủy văn, trữ lượng nguồn nước của sông phụ thuộc rất lớn vào điều kiện khí tượng, thủy văn khu vực.

4.2. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện

Cấp điện đầu nguồn từ trạm biến áp hạ thế 75KVA của Công ty cấp nước Quảng Bình đặt tại xã Thuận Tiến, sử dụng cáp LV/ABC -4x70; từ trạm biến áp về trạm cấp nước với chiều dài khoảng 20m, về vị trí khai thác khoảng 60m.

- Điện tiêu thụ: 8.500 Kwh/tháng.

4.3. Nhu cầu hóa chất xử lý nước

Nguyên nhiên liệu và hóa chất chủ yếu mà Trạm cấp nước Đồng Lê sử dụng trong sản xuất là: phèn nhôm Sunphat, NaCl... Nhu cầu nguyên liệu thay đổi tùy theo sản lượng khai thác và chất lượng nguồn nước theo mùa, nhu cầu sử dụng trung bình năm 2021 như sau:

- Phèn nhôm Sunphat: 1.600 Kg/tháng.

- Muối NaCl: 500 Kg/tháng.

Trong những ngày chất lượng nước thô kém, nhiều tảo, vi khuẩn, nấm, nhiều chất hữu cơ, và thậm chí các loại virus gây bệnh cần thiết phải phải khử trùng trước khi đưa lên cụm xử lý cần thiết phải sử dụng thêm KMnO₄ và Clo. Ngoài ra Clo còn được châm vào tại ngăn nước lọc đầu của bể chứa để khử trùng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Công ty Cp cấp nước Quảng Bình tại thôn Thuận Tiến, xã Thuận Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

nước trước khi nước được bơm vào mạng tiêu thụ. Tùy thuộc vào các trường hợp liều lượng $KMnO_4$ sẽ được xác định như sau:

- + Nếu khử mùi và vị nước thì dùng tối đa 20mg/l;
- + Để diệt khuẩn dùng ở liều lượng 2-4mg/l. Liều diệt khuẩn phải dựa vào mức độ chất hữu cơ trong nước.
- + Trong trường hợp diệt virus thì nên dùng liều 50mg/l hoặc cao hơn.

Sử dụng chlorini 1% để hoà tan liên tục vào bể chứa nước giúp duy trì được nồng độ clo dư trong bể nước đạt mức 0,5-0,8ppm. Khối lượng sử dụng clo thay đổi tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng nước, trung bình 1 ngày dùng 0,3kg clo.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có)

Công ty cấp thoát nước Quảng Bình (nay là Công ty CP Cấp nước Quảng Bình) được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hệ thống cấp nước thị trấn Đồng Lê tại văn bản số 1057/QĐ/UB ngày 14/12/1994.

Công trình khai thác, sử dụng nước đã đi vào hoạt động từ tháng 4 năm 2007. Tính đến thời điểm lập báo cáo, công trình đã đi vào hoạt động được trên 15 năm và đã cung cấp nước cho nhân dân thị trấn Đồng Lê và 03 thôn Thuận Tiến, Xuân Canh, Thượng Lào thuộc thôn Thuận Hoá. Trong quá trình khai thác, vận hành từ năm 2007 đến thời điểm lập báo cáo, lượng nước khai thác và cấp cho nhân dân đã tăng từng năm. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tại cơ sở tính từ năm 2021 đến năm 2027, công ty phải nộp là 17.520.000 đồng. (Mười bảy triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng).



Chương 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Hệ thống cấp nước sạch tập trung cho thị trấn Đồng Lê và 03 thôn Thuận Tiến, Xuân Canh, Thượng Lào không chỉ đáp ứng nhu cầu cấp thiết về sử dụng nước sinh hoạt của người dân mà còn bảo vệ sức khỏe nhân dân, giảm tỷ lệ người mắc bệnh liên quan đến nguồn nước ô nhiễm, nâng cao sức khỏe cộng đồng và góp phần xây dựng ý thức dùng nước sạch trong nhân dân để bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng.

Việc thực hiện nhà máy nước đảm bảo phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch cấp nước của khu vực.

Việc thực hiện Dự án đã được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt tại quyết định số 1057/QĐ/UB ngày 14/12/1994.

2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh nước thải trong quá trình vệ sinh các bể lọc, bể lắng theo định kỳ, môi trường tiếp nhận của nước thải là suối Cạn, tại thời điểm khảo sát dòng chảy suối Cạn không chảy ra sông Gianh. Hiện tại, suối Cạn và sông Gianh chưa được UBND tỉnh Quảng Bình công bố sức chịu tải nên chưa có cơ sở để đánh giá sức chịu tải của dự án đến môi trường tiếp nhận. Theo giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 256/GP-STNMT ngày 16/11/2017 thì lượng nước thải xả ra môi trường lớn nhất = $24\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $3\text{m}^3/\text{giờ}$. Nguồn tiếp nhận nước thải là suối Cạn. Lưu lượng xả thải lớn nhất của trạm cấp nước là $24\text{ m}^3/\text{ngàyđêm} = 0,00278\text{m}^3/\text{s}$, lưu lượng nước thải không lớn. Mặt khác nước thải sau khi xử lý tự chảy ra môi trường theo hệ thống mương dẫn. Lượng nước thải ít, chất lượng nước thải đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp nên việc xả nước thải vào nguồn nước hầu như không làm ảnh hưởng đến chế độ thủy văn dòng chảy.

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

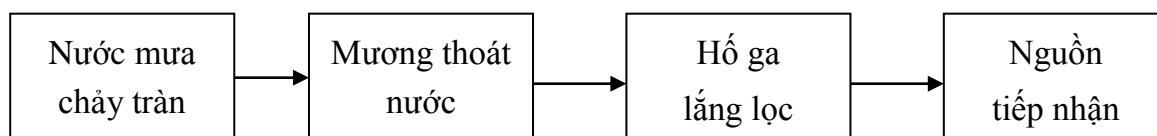
Nước mưa chảy tràn trên các khu vực được thoát theo địa hình tự nhiên.

Nước mưa chảy tràn trên các khu vực sân, đường nội bộ được thoát theo bề mặt địa hình (đốc 2%), cơ sở chưa xây dựng mương thoát nước mưa riêng. Nước mưa có thể thoát theo mương thoát nước thải từ các hồ ga.

Mương thoát nước thải có chiều rộng 0,6m, sâu 0,4m. Rãnh là rãnh đan bê tông cốt thép. Tổng chiều dài mương thoát là 22m.

Đọc theo hệ thống mương dẫn có bố trí các hồ ga để xử lý sơ bộ bằng phương pháp lắng cơ học. Gồm có 4 hồ ga, hồ ga được xây dựng bằng gạch có kích thước 1x1x1m, nắp hồ ga là được đổ bê tông, có kích thước 1x0,4x0,01m, mỗi hồ ga được đầy bằng 3 tấm bê tông với kích thước như trên.

Trong những năm qua, lượng nước mưa được thu gom tốt, không có hiện tượng ngập, úng cục bộ.



Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom, tiêu thoát nước mưa



Hình 3. 2. Hình ảnh mương thoát và hồ ga tại cơ sở

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a). Thu gom nước thải

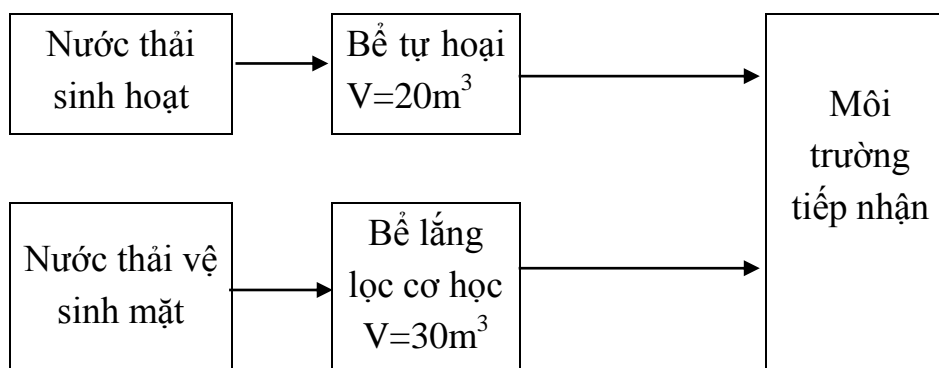
Tại cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải rửa hệ thống lắng, lọc. Tuy nhiên, lượng nước dùng cho mục đích sinh hoạt của nhân viên không đáng kể ($<0,4\text{m}^3/\text{ngày đêm}$). Lượng nước dùng để vệ sinh bể lọc là $72\text{m}^3/1$ lần, định kỳ 3 ngày sẽ rục rửa bể lọc 1 lần.

Tổng lượng nước xả thải lớn nhất của cơ sở là $24\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

Hiện tại, các công trình xử lý nước thải sinh hoạt ở khu vực trạm cấp nước Đồng Lê đã được xây gồm: Nhà vệ sinh, bể tự hoại 3 ngăn, các công trình này được xây dựng bằng bê tông kiên cố đảm bảo khả năng xử lý.

Nước sau hệ thống tự hoại và nước tắm giặt, vệ sinh khác mới được xử lý qua hố lắng, chưa có hệ thống xử lý hoàn chỉnh.

Nước thải dùng cho hoạt động của trạm cấp nước Đồng Lê thì theo hệ thống mương dẫn có thiết kế các hố ga và song chắn đến bể lắng rồi tự chảy ra môi trường.



Hình 3. 3. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của cơ sở.

b). Thoát nước thải

Nước thải của Trạm cấp nước sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định được thải ra suối Cạn. Tạp chất cơ học lắng dưới đáy của bể lắng thì cứ sau 20 ngày được nhân viên trạm cấp nước nạo vét sạch sẽ.

Hệ thống mương dẫn của nước thải sinh hoạt được xây dựng cùng với thời điểm xây dựng trạm cấp nước.

Nước thải sau khi xử lý được thải vào nguồn tiếp nhận là suối Cạn theo phương thức tự chảy thông qua hệ thống mương dẫn của trạm cấp nước có kích thước 60cm x 40cm.

- Chế độ xả nước thải: Xả nước thải không liên tục; 8/24 giờ

c). Điểm xả nước thải.

Vị trí xả thải của trạm cấp nước Đồng Lê thuộc thôn Thuận Tiến, xã Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Vị trí địa lý của nguồn tiếp nhận nước thải là suối Cạn, cách khu vực trạm cấp nước khoảng 50m theo hướng Nam xã Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

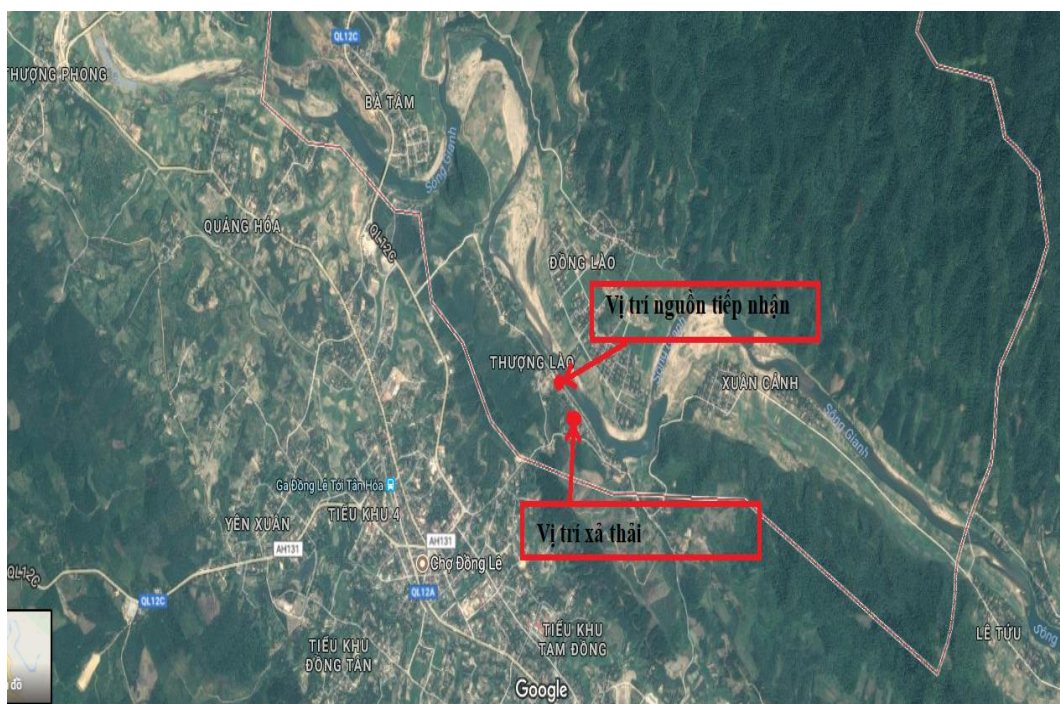
Vị trí xả thải và vị trí tiếp nhận nước thải có tọa độ theo bản đồ tỷ lệ 1:25.000, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}00'$, múi chiều 3° :

Bảng 3. 1. Tọa độ vị trí xả thải và vị trí nguồn tiếp nhận nước thải

STT	Vị trí	X (m)	Y (m)
1	Vị trí xả thải	1978.813	503.459
2	Vị trí tiếp nhận xả thải	1979.044	503.481

Do điều kiện tự nhiên nên nguồn tiếp nhận nước thải của trạm cấp nước Đồng Lê là suối Cạn. Việc lựa chọn nguồn tiếp nhận nước thải và vị trí xả nước thải ra dựa vào sự chênh lệch địa hình khu vực của cơ sở, không ảnh hưởng đến chế độ thủy văn của nguồn nước.

Do đó, việc lựa chọn nguồn tiếp nhận nước thải và vị trí xả nước thải của trạm cấp nước Đồng Lê là phù hợp.



Hình 3. 4. Vị trí xả thải và nguồn tiếp nhận của cơ sở

3.1.3. Xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại:

Bể tự hoại được thiết kế 3 ngăn với ngăn đầu và ngăn thứ 2 có nhiệm vụ chứa và phân hủy chất thải, ngăn thứ 3 có tác dụng lắng và lọc cặn. Tại ngăn 1 và 2 sẽ diễn ra quá trình phân hủy kỵ khí, chất hữu cơ, cặn bã sẽ được vi khuẩn kỵ khí phân hủy thành các chất vô cơ và sinh khối.

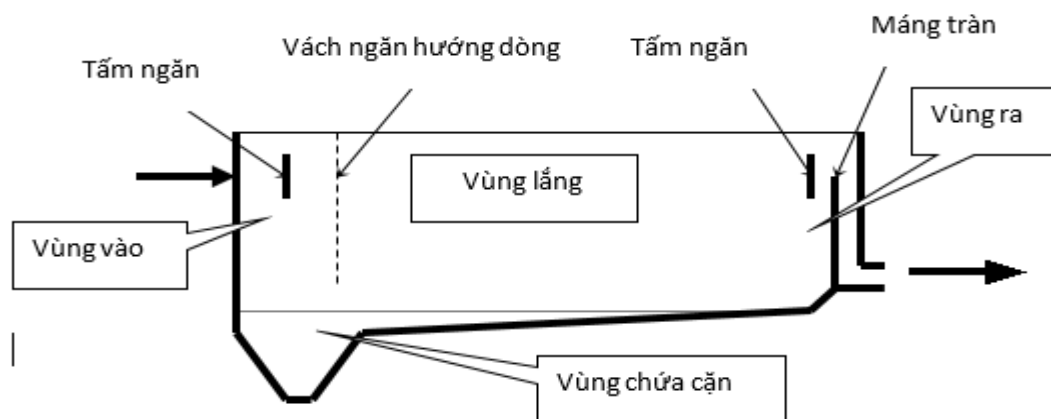
Bể tự hoại được thiết kế và xây dựng đúng cho phép đạt hiệu suất lắng cặn trung bình 50 - 70% theo cặn lơ lửng (TSS) và 25 - 45% theo chất hữu cơ (BOD và COD). Các mầm bệnh có trong phân cũng được loại bỏ một phần trong bể tự hoại, chủ yếu nhờ cơ chế hấp phụ lên cặn và lắng xuống, hoặc chết đi do thời gian lưu bùn và nước trong bể lớn, do môi trường sống không thích hợp. Nước thải sau khi được xử lý sẽ theo hệ thống ống dẫn đi ra bể lắng và xả ra môi trường.

b. Nước thải từ hoạt động sản xuất của Trạm cấp nước:

Xử lý nước thải của Trạm cấp nước bằng phương pháp cơ học.

Nước thải của Trạm cấp nước chủ yếu là các tạp chất cơ học, các chất lơ lửng, vì vậy sử dụng công trình xử lý cơ học để loại bỏ chúng ra khỏi nước thải trước khi thải ra môi trường.

Phương pháp cơ học là dựa vào tỉ trọng của nước và các chất rắn lơ lửng và các chất ô nhiễm có sự khác nhau để tách các tạp chất ra khỏi nước thải.



Hình 3. 5. Mặt cắt bể lắng

Nước thải của trạm cấp nước sẽ theo hệ thống mương dẫn đi đến bể lắng, các tạp chất có kích thước lớn sẽ được giữ lại ở lưới chắn rác và được loại bỏ ra ngoài. Lưới chắn rác được thiết kế ngay tại cửa vào của bể lắng.

Bể lắng của trạm cấp có dạng hình chữ nhật, diện tích 30 m², sâu 4m. Đáy bể có thiết kế thanh gạt bùn theo chiều ngang của bể, thanh gạt này chuyển động về phía đầu vào của nước thải và gom bùn về một hố nhỏ ở đây, sau đó bùn được thải ra ngoài. Quá trình lắng còn có thể kết hợp với quá trình tạo bông cặn hay đưa thêm vào một số hóa chất để cải thiện rõ nét hiệu suất lắng.

Định kỳ 20 ngày, cán bộ công nhân của trạm cấp nước sẽ nạo vét, xúc các tạp chất cơ học ở đáy bể lắng lên đem đi xử lý.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Do đặc thù cơ sở là cơ sở xử lý nước cấp phục vụ sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, quá trình sản xuất không phát sinh bụi, khí thải.

Lượng bụi và khí thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án, vận chuyển hóa chất xử lý nước thải. Lượng bụi đường này là lượng bụi phân tán, bụi nặng, trơ, dễ lắng đọng.

Để thực hiện giảm thiểu lượng bụi phát tán vào môi trường trong khuôn viên nhà máy, công nhân vận hành nhà máy thường xuyên quét dọn vệ sinh các khu vực, dùng hệ thống đường ống nhựa mềm để tưới nước trên mặt bằng sân nhà máy.

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Loại chất thải này có thành phần chính gồm các chất hữu cơ (chiếm khoảng 70%), giấy vụn các loại, nylon, nhựa, kim loại, các vật dụng sinh hoạt hàng ngày bị hư hỏng,...

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày căn cứ vào lượng cán bộ, công nhân vận hành nhà máy.

Số lượng cán bộ, công nhân vận hành nhà máy là 4 người, tuy nhiên chỉ có 02 người thường xuyên ở nhà máy. Khối lượng phát sinh thực tế tại nhà máy chỉ khoảng 1,2kg/ngày.

Bảng 3. 2. Thành phần rác thải sinh hoạt

TT	Nhóm CTRSH	Số lượng (kg/ngày)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Ghi chú
1	Nhóm hữu cơ dễ phân hủy (thức ăn thừa, lá cây, rau, củ, quả, xác động vật)	1,0	Cơ sở tự xử lý	chôn lấp

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Công ty Cp cấp nước Quảng Bình tại thôn Thuận Tiến, xã Thuận Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

TT	Nhóm CTRSH	Số lượng (kg/ngày)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Ghi chú
2	Nhóm có khả năng tái sử dụng (giấy, nhựa, kim loại, cao su, ni lông, thủy tinh)	0,2	Cơ sở tự xử lý	Tái sử dụng
3	Nhóm còn lại	-		
	Tổng số lượng	1,2		

- Nhà máy đã đặt 01 thùng rác có nắp đậy, dung tích 150 lít tại khu văn phòng để thu gom lượng rác thải sinh hoạt phát sinh.

- *Chất thải rắn công nghiệp*: thường là các nguyên liệu cho quá trình sản xuất như cát lọc.

Bảng 3. 3. Thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Nhóm CTRCNTT	Số lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Ghi chú
1	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất	0		
2	Phải xử lý (cát lọc thải)	2.000	Cơ sở tự xử lý	Phơi khô, sử dụng đắp nền hoặc trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy
	Tổng khối lượng	2.000		

3.4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại.

Trong quá trình hoạt động sản xuất của Trạm cấp nước không phát sinh chất thải nguy hại trong danh mục chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở

Trong quá trình hoạt động của nhà máy, tiếng ồn, độ rung phát sinh do:



- Hoạt động của các máy bơm nước
- Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án.

Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các loại máy bơm nước, móng đế chân đế máy bơm được đổ móng bê tông mác cao, chân đế được đệm các lót cao su dày chống rung, ồn.

Trong quá trình hoạt động, cán bộ vận hành nhà máy thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tra dầu mỡ vào hệ thống máy bơm để máy bơm hoạt động tốt, hạn chế tiếng ồn, độ rung.

Có chế độ điều tiết ca làm việc hợp lý đối với công nhân trực máy và vận hành máy bơm cấp nước tránh những giờ cao điểm vào ban đêm và buổi trưa.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a). Trang bị phòng cháy chữa cháy tại khu vực văn phòng

Công ty bố trí các biển hiệu, biển cảnh báo an toàn cháy nổ, biển hướng dẫn công tác chữa cháy tại khu văn phòng.

Phương tiện chữa cháy tại chỗ:

- + Khu văn phòng: 03 bình chữa cháy dạng bột loại 4kg.
- + Thường xuyên kiểm tra trang thiết bị vật tư PCCC, có phương án sửa chữa, thay mới thiết bị khi xảy ra hỏng hóc, hư hại.

Khi có sự cố cháy, nước phục vụ chữa cháy được lấy từ bể chứa nước sạch của nhà máy.

b). Các biện pháp giảm thiểu sự cố an toàn hóa chất

Nhà máy phải sử dụng hóa chất cho quá trình xử lý nước: PAC, thuốc tím (KmnO₄) Javen, Clorin,... nên bắt buộc phải áp dụng các biện pháp bảo quản hóa chất nghiêm ngặt, tránh để thất thoát, gây lãng phí và ô nhiễm môi trường.

Các loại hóa chất xử lý nước của nhà máy đều ở dạng bột, hạt rắn, chứa trong các bao, thùng chứa riêng biệt nên đã hạn chế thấp nhất nguy cơ rò rỉ ra ngoài môi trường.

Hóa chất xử lý nước của nhà máy được đơn vị cung cấp vận chuyển đến và được chứa trong gian chứa hóa chất.

Tất cả cán bộ, công nhân vận hành, khai thác nhà máy đều được tập huấn đảm bảo về an toàn hóa chất.

*. *Đối với kho chứa hoá chất:*

Kho chứa hóa chất được xây dựng là nhà xây gạch, mái bằng bê tông cốt thép, có hệ thống thu lồi chống sét, được định kỳ kiểm tra theo các qui định hiện hành;

Trong kho, qui hoạch khu vực sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất;

- Tại khu vực chứa hoá chất có các phương tiện và dụng cụ để khắc phục khi có sự cố tràn đổ hoặc rò rỉ hoá chất như giẻ khô, các bình chữa cháy.

- Kho bảo quản, lưu trữ hóa chất chỉ có công nhân trực tiếp làm việc với hóa chất và người có trách nhiệm mới được ra vào, nghiêm cấm người không phận sự vào khu vực nguy hiểm và có biển cảnh báo.

- Bảo quản hóa chất theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất về nhiệt độ, độ ẩm và các yếu tố liên quan khác.

- Lập sổ theo dõi tình hình quản lý và sử dụng hóa chất trong Nhà máy.

- Tránh nguồn nhiệt, tia lửa điện, lửa gần nơi có hóa chất.

- Thường xuyên kiểm tra kho đựng hóa chất, các dụng cụ chứa hóa chất, tránh tình trạng rò rỉ hóa chất ra môi trường.

- Bao bì thải có dính hóa chất được lưu trữ trong kho và được đơn vị cung cấp hóa chất mang đi trong quá trình cung cấp hóa chất xử lý (sau khi cung cấp hóa chất, mang bao bì thải đi).

*. *Quá trình sử dụng hóa chất*

- Có kế hoạch sử dụng hóa chất cho từng ngày, tuần.

- Khối lượng hóa chất được cung cấp theo nhu cầu từng ngày, sử dụng hết đến đâu mới cung cấp đến đó.

- Cán bộ vận hành nhà máy được trang bị các kiến thức đầy đủ về an toàn khi sử dụng hóa chất.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động như: khẩu trang, găng tay,... cho người lao động khi tiếp xúc với hóa chất.

- Sử dụng hóa chất đúng thời gian, hướng dẫn ghi trên bao bì.

*. *Ứng phó khi có sự cố xảy ra*

- Khi các loại hóa chất bị rò rỉ, rơi vãi ra ngoài cần phải được thu gom kịp thời vào các thùng chứa.

- Nhanh chóng cô lập khu vực bị rò rỉ, tràn hóa chất, thu gom, làm sạch bề mặt. Dùng các vật liệu (cát) và thùng chứa thích hợp để thu gom, giữ khô tất cả

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Công ty Cp cấp nước Quảng Bình tại thôn Thuận Tiến, xã Thuận Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

các vật liệu và chất thải sau thu gom.

- Thực hiện các biện pháp sơ cứu kịp thời, nhanh chóng cho người bị nhiễm hóa chất: rửa sạch mặt, tắm rửa toàn thân, súc miệng bằng nước sạch.

- Nhanh chóng liên hệ với cơ sở y tế gần nhất để có các biện pháp chữa trị kịp thời.



Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải phục vụ hoạt động sản xuất từ quá trình sục rửa bể lọc định kỳ.

Lưu lượng xả thải tối đa: $24 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$;

Dòng nước thải: số lượng 01 dòng.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: nước thải sau xử lý đạt cột B (giá trị C_{max} ; $K_q = 1$; $K_f = 1,2$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT), cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm nước thải công nghiệp

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT
1	pH	-	5,5 đến 9
2	COD	mg/l	180
3	BOD ₅ (20 ^{0C})	mg/l	60
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	12
6	Tổng N	mg/l	48
7	Tổng P	mg/l	7,2
8	Tổng Fe	mg/l	6

Nguồn tiếp nhận: Suối Cạn

Vị trí xả thải: Thôn Thuận Tiến, xã Thuận Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình, Toạ độ khu vực và vị trí xả nước thải thành lập theo hệ toạ độ VN2000, múi chiếu 3 độ, kinh tuyến trực 106 độ, tỷ lệ 1:25.000 được xác định như sau:

$$X(m) = 1978813; Y(m) = 503.459$$

Phương thức xả thải: Nước thải sau khi được xử lý đạt chuẩn sẽ theo hệ thống mương thoát nước của Trạm cấp nước chảy ra nguồn tiếp nhận là suối

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Tư vấn tài nguyên nước

Điện thoại: 0989629107 - 0916167856



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Công ty Cp cấp nước Quảng Bình tại thôn Thuận Tiến, xã Thuận Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Cạn thuộc thôn Thuận Tiến, xã Thuận Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Chế độ xả nước thải: 8 giờ/ngày đêm.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

a). Tiếng ồn

- *Nguồn phát sinh*: Tiếng ồn tại cơ sở phát sinh chủ yếu từ các hoạt động sau:

+ Hoạt động của các loại máy bơm.

- *Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn*:

+ Đối với khu vực xung quanh: theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ Đối với tiếng ồn trong khu vực làm việc: theo quy định tại QCVN 24:2016/BYT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn của tiếng ồn

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	
			QCVN 26:2010/BTNMT	QCVN 24:2016/BYT
1.	Tiếng ồn	dBA	70	85

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước thải

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả (NT)				QCVN 40:2011/BTNMT
			Ngày 17/5/2021	Ngày 01/10/2021	Ngày 09/3/2022	Ngày 20/9/2022	
1	pH	-	7,8	8,0	8,1	7,9	5,5-9
2	TSS	mg/l	51	45	37	42	<120
3	COD	mg/l	27,2	40	36,8	40,2	<180
4	BOD ₅	mg/l	18,9	25,6	23,7	26,1	<60
5	NH ₄ ⁺	mg/l	2,12	4,21	<0,9	<0,9	<12
6	Ni tơ tổng	mg/l	4,76	6,14	2,25	2,52	<48
7	Photpho tổng	mg/l	0,09	0,06	0,14	0,09	<7,2
8	Coliform	VK/100ml	1700	1.100			5000

Ghi chú: NT: mẫu nước thải được lấy tại bể lắng (X: 17^o53'26.8"N; Y: 106^o02'05.7"E

QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột B quy định các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. (giá trị C_{max}; K_q = 1; K_f = 1,2).

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí

TT	Vị trí đo	Đơn vị tính	Kết quả				QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 24:2016/BYT
			17/5/2021	01/10/2021	09/03/2022	20/9/2022	
1	K1: Khu vực văn phòng	dBA	59,2	58,6	58,2	60,6	85
2	K2: Khu vực máy bơm	dBA	69,6	72,1	73,6	75,2	85
3	K3: Tại khu	dBA	56,1	57,5	59,1	57,7	70

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Tư vấn tài nguyên nước

Điện thoại: 0989629107 - 0916167856



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Công ty Cp cấp nước Quảng Bình tại thôn Thuận Tiến, xã Thuận Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

TT	Vị trí đo	Đơn vị tính	Kết quả				QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 24:2016/BYT
			17/5/2021	01/10/2021	09/03/2022	20/9/2022	
	dân cư thôn Thuận Tiến						

Bảng 5. 3. Thống kê điểm quan trắc chất lượng môi trường không khí

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Vĩ độ	Kinh độ	
1	Điểm quan trắc 1	K1	17/05/2021; 01/10/2021	17 ⁰ 53'27.2"N	106 ⁰ 02'05.0"E	Khu vực văn phòng
2	Điểm quan trắc 2	K2	17/05/2021; 01/10/2021	17 ⁰ 53'28.7"N	106 ⁰ 02'09.5"E	Khu vực máy bơm
3	Điểm quan trắc 3	K3	17/05/2021; 01/10/2021	17 ⁰ 53'27.2"N	106 ⁰ 02'05.0"E	Tại khu dân cư thôn Thuận Tiến cách Trạm cấp nước 50m về phía Nam

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

Bảng 6. 1. Các công trình xử lý chất thải và thời gian vận hành thử nghiệm

TT	Các công trình xử lý chất thải	Tình trạng	Thời gian dự kiến vận hành chạy thử nghiệm
1	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải	Hoàn thiện 100%	Từ 01/9/2022 đến 01/11/2022

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

a). Kế hoạch quan trắc chất thải và thời gian dự kiến lấy mẫu

Để đánh giá kết quả vận hành các công trình xử lý, công ty sẽ phối hợp với đơn vị có đầy đủ chức năng đến lấy mẫu và phân tích mẫu. Kế hoạch quan trắc chất thải như sau:

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh
1	Nước thải được lấy tại bể lắng X: 17 ⁰ 53'26.8"N; Y: 106 ⁰ 02'05.7"E	pH, TSS, COD, BOD ₅ , NH ₄ ⁺ , Ni tơ tổng, Photpho tổng, Coliform	QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột B quy định các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. (giá trị C _{max} ; K _q = 1; K _f = 1,2).

b). Dự kiến thời gian thực hiện lấy mẫu môi trường như sau:

- Thời gian quan trắc:
 - + Đợt 1: Tháng 5 hàng năm
 - + Đợt 2: Tháng 10 hàng năm
- Tần suất quan trắc: 06 tháng 1 lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

Việc lấy mẫu, phân tích sẽ được công ty phối hợp với Trung tâm kỹ thuật Đo lường thử nghiệm Quảng Bình lấy mẫu và phân tích mẫu. Việc lấy mẫu và phân tích mẫu sẽ tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch: Để đánh giá kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý, Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm kỹ thuật Đo lường thử nghiệm Quảng Bình lấy mẫu và phân tích mẫu.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.

a. Quan trắc nước thải.

Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, NH⁺₄, Tổng N, Tổng P, Tổng Fe,

Vị trí giám sát: tại vị trí đầu ra của bể xử lý nước thải dự án.

Tần suất giám sát: 06 tháng 1 lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

Bố trí thiết bị, nhân lực, kinh phí thực hiện vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, quan trắc lưu lượng nước thải, chất lượng nước thải và nguồn nước tiếp nhận.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục chất thải.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của cơ sở.

Để đảm bảo trong quá trình hoạt động dự án không gây tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh, sức khỏe cộng đồng và đánh giá hiệu quả của các biện pháp phòng chống, hạn chế ô nhiễm thì công tác giám sát môi trường đóng vai trò vô cùng quan trọng.

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Công ty Cp cấp nước Quảng Bình tại thôn Thuận Tiến, xã Thuận Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

+ Giám sát khối lượng và chủng loại phát sinh và công tác quản lý, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn.

+ Tần suất: thường xuyên.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Bảng 6. 2. Dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch quan trắc môi trường hằng năm

Nội dung giám sát	Đơn giá	Số lượng	Tổng chi phí
Vận hành HTXLNT	3.000.000 đ/tháng	2x12 tháng/năm	72.000.000 đ
Bảo dưỡng, sửa chữa HTXLNT	5.000.000 đ/lần	03 tháng/lần	40.000.000 đ
Quan trắc chất lượng nước thải, nguồn nước tiếp nhận	10.000.000 đồng/lần	2 lần/năm	16.000.000 đ

Chương VII. CAM KẾT CHỦ CƠ SỞ

Chúng tôi đảm bảo về độ trung thực của các thông tin, số liệu trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường, kể cả các tài liệu đính kèm. Nếu có sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

Chúng tôi cam kết về việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Cam kết các nguồn thải phát sinh được thu gom, xử lý đạt các quy chuẩn tương ứng.

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Quyết định giao đất;
3. Mặt bằng thoát nước của trạm cấp nước Đồng Lê;
4. Sơ đồ vị trí lấy mẫu
5. Các phiếu kết quả phân tích môi trường tại cơ sở